

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-ST

Ngày: 14-9-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí Phương, kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án thụ lý số: 605/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Anh Lê Ru N, sinh năm: 1974;

2. Chị Ng, sinh năm: 1977.

Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh N, chị Ng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/06/2020, biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2020 của anh Dương Văn T và trong quá trình xét xử:

Nguyên đơn anh Dương Văn T trình bày: Vào tháng 05/2017 anh N có nhờ

hỏi vay số tiền là 10.000.000đ để mua cá, hẹn 3-4 ngày sẽ trả lại, không có làm biên nhận nợ, khi đến hạn trả anh N không trả gốc và cũng không trả lãi cho anh T. Anh T có gặp anh N để yêu cầu trả nợ và anh N hứa sẽ trả số tiền gốc 10.000.000đ, xin giảm số tiền lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và anh T đồng ý, nhưng sau đó anh N cũng không trả nợ.

Căn cứ biên bản hòa giải ngày 05/9/2018 của UBND xã T, không có mặt của anh N, có mặt chị Ng (vợ anh N), chị Ng trình bày có nghe anh N vay số tiền 10.000.000đ từ anh T, Ny anh N đi làm xa, chị Ng xin anh T giảm lãi, hứa sẽ trả lại anh T số tiền 10.000.000đ đến ngày 05/01/2019, khi thu hoạch xoài sẽ trả đủ số tiền nợ. Nhưng đến Ny anh N và chị Ng không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong nội dung biên bản hòa giải nêu trên.

Ny anh T yêu cầu anh N và chị Ng liên đới trách nhiệm trả lại số tiền nợ là 10.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn anh Lê Ru N và chị Ng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N, chị Ng không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của anh T cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh N, chị Ng về việc yêu cầu khởi kiện của anh T.

Tại phiên tòa anh T trình bày: Vào ngày 05/5/2017(Al), do giữa anh T và anh N là bạn bè, anh N có đến nhà hỏi anh T mượn số tiền 13.000.000đ, khoảng 01 tuần sẽ trả lại, để trả tiền mua cá Diêu Hồng, không có làm biên nhận mượn tiền. Khoảng 05 tháng sau thì anh N mới trả cho anh T được 3.000.000đ, còn nợ lại số tiền 10.000.000đ. Anh T đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu anh N trả lại số tiền 10.000.000đ, nhưng anh N vẫn không trả, đến năm 2018 thì anh T có gửi đơn yêu cầu UBND xã T hòa giải về việc anh N nợ tiền của anh T, tại Biên bản hòa giải ngày 05/9/2018 của UBND xã T không có mặt anh N, có mặt chị Ng là vợ của anh N đồng ý trả số tiền 10.000.000đ nhưng đến nay vẫn không trả. Nay anh T yêu cầu anh N, chị Ng liên đới trách nhiệm trả lại số tiền nợ là 10.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh N và chị Ng chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng như không có văn bản trình chịu ý kiến, không đến Tòa án để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, 2 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình là vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015, cần phê phán rút kinh nghiệm.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Dương Văn T (T) về việc buộc anh Lê Ru N, chị Ng có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh T số tiền còn nợ là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, anh Na, chị Ng hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp N, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 05/9/2018 của UBND xã T, huyện Thanh Bình về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa anh Dương Văn T (T) và anh Lê Ru N. Chị Ng là vợ anh Lê Ru N cam kết sẽ trả lại cho anh T số tiền 10.000.000đ đến trước ngày 05/01/2020, nhưng đến nay anh N và chị Ng không trả số tiền nợ nêu trên cho anh T, nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Biên bản hòa giải của UBND xã T ngày 05/9/2018, Tranh chấp hợp đồng vay tài sản vào năm 2018, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay anh N, chị Ng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy anh N, chị Ng đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng anh N, chị Ng vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong biên bản hòa giải của UBND xã T. Tòa án huyện đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định pháp luật tố tụng, tổng đạt trực tiếp cho anh Lê Ru N, bà Nguyễn Thị C (mẹ của anh N), anh Lê Hạo L (con của anh N) nhận thay và cam kết giao lại cho anh N và chị Ng, nhưng anh N và chị Ng không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị Ng là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 05/9/2018 của UBND xã T, việc anh N, chị Ng có vay số tiền 10.000.000đ của anh T là có thật và đã xảy ra, anh N và chị Ng đã nhận đủ tiền vay 10.000.000đ, nhưng không thực hiện đúng theo thỏa thuận trả gốc lãi đúng hạn cho anh T. Chị Ng thừa nhận có biết việc anh N có vay của anh T số tiền 10.000.000đ, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh N đi làm ăn xa nên xin anh T giảm lãi suất và cam kết đến ngày 05/01/2019 (DL) sẽ trả cho anh T số tiền nợ 10.000.000đ, nhưng đến nay anh N và chị Ng không thực hiện đúng theo thỏa thuận nêu trên.

Anh N, chị Ng đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh N và chị Ng không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ tiền của anh T và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N, chị Ng, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của anh N, chị Ng đối với số tiền nợ nêu trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T buộc anh N, chị Ng có trách nhiệm liên đới trả lại cho T số tiền còn nợ là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015.

[2.2.] Đối với lãi suất, do anh T không có yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn anh Lê Ru N và chị Ng phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn anh Dương Văn T (Tòng) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T (Tòng) đối với anh Lê Ru N và chị Ng.

Buộc anh Lê Ru N và chị Ng có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Dương Văn T số tiền còn nợ 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn anh Lê Ru N và chị Ng phải có trách nhiệm liên đới chịu 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Dương Văn T (T) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 250.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số BH/2018- 0008212 ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2020). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thanh tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lý Thị Bích Thơ